

nay mà CPH các DNNN, nhất là các doanh nghiệp trong các Tổng Công ty nhà nước gặp phải là vấn đề tài chính, xử lý nợ tồn đọng và các tồn tại tài chính trước và sau CPH, cách giải quyết các tồn tại này trong nội bộ doanh nghiệp hoặc Tổng Công ty. Vai trò của Tổng Công ty là rất quan trọng trong việc hỗ trợ về tài chính, kinh phí CPH, các ưu đãi về mua cổ phần cho các doanh nghiệp trong Tổng Công ty. Vì vậy, về quản lý cần kịp thời ban hành các quy định phù hợp với việc CPH đồng thời các doanh nghiệp trong một Tổng công ty để giải quyết đồng bộ các tồn tại tài chính.

Một biện pháp không mới nhưng luôn luôn cần thiết là vấn đề tư tưởng của ban lãnh đạo các DNNN. Vấn đề này tồn tại đã lâu, trở thành một trở ngại cho tiến trình CPH ở nhiều ngành nhiều mối. Tình hình hiện nay không cho phép nhiều thời gian cho những chần chừ này, vì hội nhập đã đến gần, thách thức trở nên gay gắt, nếu không kịp thời chuyển đổi thì mình sẽ chìm trước. Quyết tâm của nhà lãnh đạo là một động lực quan trọng cho CPH ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Báo cáo của Ban đổi mới các DNNN của Bộ Tài chính, 2004
- Báo cáo của TTGDCK TP.HCM
- Báo cáo tổng kết của UBCKNN năm 2004
- Đầu tư Chứng khoán 2004-2005
- Báo cáo của Vụ Tín dụng, NHNN VN năm 2004

VIỆC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÁC NGÂN HÀNG CỔ PHẦN CẦN ĐƯỢC SỰ QUẢN LÝ CHẶT CHẼ TỪ PHÍA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Thành Tâm

Trong thời gian gần đây nhiều ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) đã tích cực tăng nhanh vốn điều lệ, đã làm cho bức tranh về tình trạng tài chính của các ngân hàng cổ phần sáng sủa hơn các năm trước đây.

Thực trạng vốn điều lệ của các Ngân hàng cổ phần - điều đáng mừng

Đơn vị: tỷ đồng

Tên NH	2001	2002	2003	2004
NH MỸ XUYÊN	5.000	7.000	10.000	15.500
NH AN BÌNH	5.000	6.000	35.904	70.044
NH NINH BÌNH	5.000	6.000	9.000	85.000
NH TÂN VIỆT	70.035	70.035	70.035	102.167
NH BẮC Á	50.000	70.000	85.000	110.000
NH NAM Á	49.000	70.000	70.000	112.188
NH ĐÔNG NAM Á	50.000	70.000	85.000	150.000
NH SÀI GÒN	71.000	71.000	92.800	150.000
NH PHÁT TRIỂN NHÀ TP.HCM	59.726	70.026	70.026	150.023
NH VIỆT Á			115.438	190.439
NH TMCP CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH	174.900	174.900	174.900	198.409
NH PHƯƠNG ĐÔNG	70.000	70.000	101.351	200.000
NH HÀNG HẢI	109.310	109.310	109.310	200.000
NH NHÀ NH	71.044	80.000	120.000	200.000
NH QUỐC TẾ	75.810	75.810	175.000	250.000
NH SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG	144.997	181.997	250.000	303.500
NH PHƯƠNG NAM	82.540	114.260	142.501	321.680
NH QUÂN ĐỘI	209.051	229.051	280.000	350.000
NH ĐÔNG Á	120.000	200.000	253.000	350.000
NH KỸ THƯƠNG	102.345	117.870	180.000	412.700
NH Á CHÂU	341.428	341.428	423.911	481.138
NH XUẤT NHẬP KHẨU	300.000	300.000	300.000	500.000
NH SÀI GÒN THƯƠNG TÍN	191.000	271.661	505.000	740.000

(Nguồn LATS. Hoàng Thị Nga 2004 và thông báo thay đổi vốn của các ngân hàng)

(Bảng trên không đề cập đến các ngân hàng không có thay đổi vốn)

Số liệu trên là một điều đáng mừng đối với hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam. Tuy nhiên, việc tăng vốn điều lệ của các Ngân hàng TMCP phải được đặt trong sự quản lý, kiểm tra chặt chẽ từ phía ngân hàng Nhà nước.

1- Lý do phải quản lý:

Những vấn đề tác giả đề cập trong phần này có tính chất giả định về phương diện lý thuyết, song trong điều kiện thị trường hiện nay của Việt Nam giữa lý thuyết về vấn đề đặt ra và thực tiễn có thể có độ “giao thoa” chưa được khám phá, bởi lẽ khả năng sử dụng vốn vay của chính ngân hàng tăng vốn điều lệ (sau đây gọi là ngân hàng tăng vốn), để mua cổ phần của chính ngân hàng đó tồn tại dưới dạng tiềm ẩn chưa được các cơ quan quản lý quan tâm đúng mức. Quy trình và con đường đi từ vốn vay (tài sản có của ngân hàng) đến vốn cổ phần (tài sản nợ) và những ảnh hưởng tiêu cực có thể khái quát như sau:

- Các ủy viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban điều hành, một số cổ đông (sau đây gọi là các cổ đông “quan tâm”) - những người có quyền quyết định và có mối quan tâm có thể hợp tác để thực hiện nghiệp vụ này thông qua các công ty của mình hoặc các cá nhân là người thân quen lập dự án vay vốn tài chính ngân hàng của mình. Số tiền vay sau khi giải ngân được chuyển cho các cổ đông (mới hoặc cũ) nộp vào ngân hàng tăng vốn để mua cổ phần. Có thể, người vay vốn không vay tại

chính ngân hàng tăng vốn mà vay tiền tại ngân hàng khác dưới sự bảo lãnh của ngân hàng tăng vốn.

- Việc tăng vốn bằng cách trên sẽ dẫn đến thực trạng tập trung quyền lực điều hành ngân hàng vào tay một nhóm người tạo điều kiện để họ đưa hoạt động ngân hàng đi theo hướng phục vụ quyền lợi cá nhân, bỏ qua lợi ích chung. Quản lý ngân hàng trong trường hợp này sẽ thực hiện theo lối gia đình chủ nghĩa. Nguyên nhân và đồng thời cũng là hệ quả trong cách quản lý này là “triệt tiêu” vai trò giám sát, kiểm tra, kiểm soát trong nội bộ ngân hàng. Mảnh đất để cho cơ chế quản lý như vậy tồn tại là do thiếu sự giám sát, quản lý chặt chẽ từ các cơ quan quản lý cũng như kiểm tra kiểm soát nội bộ từ bên trong.

- Có ý kiến cho rằng, việc cổ đông vay vốn của chính ngân hàng tăng vốn để mua cổ phần của ngân hàng đó không gây thiệt hại đối với ngân hàng, thậm chí còn tạo điều kiện để các ngân hàng nâng cao năng lực tài chính. Lý lẽ như vậy không thể chấp nhận được. Ai cũng dễ dàng nhận thấy rằng ngân hàng nào rơi vào tình cảnh như nói trên có khả năng phát sinh thất thoát lớn tài sản xã hội, biến tài sản của công thành tài sản tư cho một số người. Rủi ro là ở chỗ: Trong trường hợp này Đại hội cổ đông, HĐQT, Ban điều hành là “Một”. Vấn đề trở nên dễ dàng mà ta có thể hình dung được. Đối với khách hàng vay vốn (bản chất của vấn đề là các cổ đông “quan tâm” sử

dụng tiền vay) để góp vốn mua cổ phần ngân hàng sẽ được HĐQT cho giảm miễn lãi hoặc cao hơn nữa là khách hàng đó sẽ “không trả” được nợ do có “khó khăn” trong sản xuất kinh doanh. Dư nợ loại này được bù đắp bằng quỹ dự phòng rủi ro theo qui định của Nhà nước. Theo quy trình này thì cuối cùng là các cổ đông “quan tâm” được sở hữu tài sản (cổ phần trong ngân hàng) không phải bằng tiền của mình mà bằng nguồn tiền chiếm dụng. Đối với Nhà nước và các cổ đông khác thì sao? Việc mua cổ phần bằng nguồn vốn vay của chính ngân hàng tăng vốn và việc xử lý nợ và lãi theo cách nêu trên sẽ làm cho Nhà nước thất thu, lợi tức cổ đông bị giảm, vấn đề ở chỗ, miễn giảm lãi cũng như trích lập và sử dụng quỹ dự phòng bù đắp các khoản nợ vay không thu hồi được sẽ làm giảm lợi nhuận trước thuế của ngân hàng và chính vì vậy Nhà nước sẽ thất thoát số tiền thuế tương đương 28% trên tổng số tiền giảm miễn lãi và trích quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp nợ gốc; lợi tức cổ đông cũng bị giảm theo tỷ lệ tương ứng.

- Việc tăng trưởng vốn điều lệ thông qua tín dụng sẽ làm cho cạnh tranh thị trường ngân hàng méo mó, không đúng với bản chất. Rõ ràng, ngân hàng nào có vốn điều lệ lớn thì khả năng cạnh tranh cao. Thế nhưng, nâng cao năng lực của mình bằng những biện pháp không “lành mạnh” sẽ kìm hãm thị trường phát triển theo xu thế văn minh.

- Tăng vốn bằng nguồn tín dụng vay chính tại ngân hàng tăng vốn sẽ làm cho hoạt động của ngân hàng đó thiếu minh bạch. Dư nợ cho vay để phục vụ mục đích này không đúng bản chất của tín dụng, không phục vụ cho dự án sản xuất kinh doanh, không góp phần phát triển nền kinh tế. Sau khi giải ngân, tiền vay sẽ trở lại ngân hàng và trở thành nguồn vốn hoạt động. Có thể nói điều đó làm cho tổng tài sản của ngân hàng tăng một cách giả tạo. Nếu tăng vốn điều lệ như vậy mà được thực hiện ở mức độ rộng cả về số lượng ngân hàng và số tiền, thì ta có thể hình dung cái gì sẽ diễn ra trên thị trường? Câu trả lời ai cũng có thể tìm được. Với thực trạng như vậy thì không thể xây dựng được một hệ thống ngân hàng hiện đại, văn minh đủ điều kiện để đáp ứng cho đòi hỏi và nhu cầu của nền kinh tế hội nhập.

Những yếu tố đề cập trên đây cho ta thấy rằng việc quản lý từ phía Nhà nước đối với việc tăng vốn điều lệ của các ngân hàng cổ phần là sự cần thiết.

2- Giải pháp nào cho việc quản lý:

Trong điều kiện của đất nước ta hiện nay khi mà tính minh bạch của nền kinh tế chưa cao, quan hệ thanh toán bằng tiền mặt chưa bị hạn chế, hạch toán kế toán và giám sát còn lỏng lẻo mà việc quản lý vấn đề tăng vốn nếu bị xem nhẹ thì khả năng tăng vốn điều lệ của các Ngân hàng cổ phần như đã nói ở trên là có thể xảy ra. Nhưng quản lý như thế nào là vấn đề phải tính, nhưng không nên

bỏ ngỏ. Theo tác giả chúng ta có thể thực hiện các giải pháp sau:

- Vấn đề quan trọng hàng đầu là cần phải có những qui định cụ thể để tạo một môi trường pháp lý cho việc quản lý các chủ thể: ngân hàng tăng vốn phải tuân thủ qui định gì, cơ quan quản lý có nhiệm vụ và quyền hạn như thế nào trong việc giám sát và kiểm tra. Hiện nay văn bản điều tiết vấn đề cổ đông, cổ phần, cổ phiếu và vốn điều lệ của ngân hàng TMCP là quyết định số 1122/2001/QĐ-NHNN, ngày 4/9/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Tại mục C khoản 1 Điều 15 qui định nhà đầu tư cam kết tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần. Tuy nhiên, thế nào là nguồn vốn hợp pháp vẫn chưa có qui định chi tiết. Vốn vay tại ngân hàng tăng vốn có thể chấp cầm cố tài sản hợp pháp, hợp lệ (như bất động sản, trái phiếu kho bạc Chính phủ...) thì có phải là vốn hợp pháp không? Ngoài ra, khoản 6 điều 2 qui định “Hội đồng quản trị ngân hàng TMCP phải chịu trách nhiệm trước luật pháp về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn”. Như vậy, hai điều khoản này chỉ ràng buộc những người liên quan về tính tự giác chưa có chế tài cụ thể.

- Cần quản lý tập trung đối với việc tăng vốn: Từ năm 2000 trở về trước việc tăng vốn được giám sát hết sức chặt chẽ từ phía Ngân hàng Nhà nước. Trong quá trình tăng vốn, ngân hàng

tăng vốn chịu giám sát qua 2 khâu: kiểm tra ở cơ sở - cấp ngân hàng nhà nước tỉnh (thành phố), sau đó trình hồ sơ Ngân hàng Nhà nước Trung ương xem xét chuẩn y. Từ sau năm 2000 trở lại đây ngân hàng tăng vốn chỉ chịu sự kiểm tra và chuẩn y của Ngân hàng Nhà nước tỉnh (thành phố). Đây cũng là một bước tiến trong cải cách hành chính. Tuy nhiên, cải cách hành chính phải đi đôi với việc áp dụng các công cụ thích hợp kèm theo nhằm đảm bảo hiệu quả trong quản lý. Tôi không cho rằng, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố không có khả năng kiểm tra chặt chẽ quá trình tăng vốn của các ngân hàng TMCP, nhưng việc chuyển quyền cho Ngân hàng Nhà nước địa phương kiểm tra và chuẩn y vốn điều lệ, trong chừng mực nào đó, đã tạo ra tâm lý là Ngân hàng Trung ương “nới lỏng” việc tăng vốn. Theo tôi, cần quay trở lại cơ chế quản lý tăng vốn điều lệ như trước đây, có nghĩa Ngân hàng Nhà nước Trung ương cần quản lý, kiểm tra và chuẩn y tăng vốn. Bởi lẽ, Ngân hàng Trung ương có khả năng bao quát được toàn bộ hệ thống. Ngân hàng Nhà nước Trung ương là cơ quan xây dựng và điều chỉnh hệ thống ngân hàng thương mại phù hợp với từng giai đoạn và định hướng phát triển chung của nền kinh tế. Việc tăng vốn điều lệ là cần thiết, song có những ngân hàng tăng vốn điều lệ nhưng không giải quyết được vấn đề về phát triển và định hướng phát

triển không phù hợp với chính sách của Chính phủ về hệ thống ngân hàng thì không cần thiết phải tăng vốn mà nên xử lý theo hướng hợp nhất, sáp nhập, hay một hướng nào đó phù hợp hơn. Việc này theo qui định hiện hành ở Việt Nam thì chỉ có Ngân hàng Trung ương mới quyết định được. Nếu thực hiện như vậy thì có thể tránh được tình trạng một số ngân hàng “kém phát triển” nhưng cố gắng tồn tại bằng biện pháp “không mong muốn” như trên; góp phần hạn chế được tình trạng không lành mạnh trong hệ thống.

- Cần có kế hoạch tăng vốn rõ ràng. Trên cơ sở quyết định của Đại hội cổ đông, HĐQT ngân hàng tăng vốn phải xây dựng kế hoạch tăng vốn trong năm, trong đó cần qui định kỳ tăng vốn (một lần hay nhiều lần trong năm, tốt nhất mỗi năm không quá 2 lần là vào cuối 6 tháng đầu năm và hoặc cuối năm tài chính), số tiền mỗi lần tăng. Kế hoạch tăng vốn cần thông báo cho Ngân hàng Nhà nước ngay từ đầu năm.

- Cần tiến hành kiểm tra tính “hợp pháp” của nguồn vốn. Mặc dầu Ngân hàng Nhà nước có quy định cổ đông phải có trách nhiệm cam kết tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần, nhưng cơ quan quản lý không thể bỏ qua khâu kiểm tra giám sát. Chính vì vậy, tác giả cho rằng, cần thiết phải kiểm tra các cổ đông mua cổ phần liên tục với số tiền lớn, đặc biệt các cổ đông là thành viên HĐQT, Ban điều hành và cổ đông lớn của Ngân hàng. Thông thường các cổ

đông này cố gắng giữ tỷ lệ cổ phần của mình để khỏi mất vị trí trong ngân hàng. Thế nhưng, nếu cổ đông đó có thực lực là chuyện khác. Nếu họ không có thực lực mà “tự tạo” thực lực không hợp pháp để đạt được mục tiêu cá nhân lại là chuyện khác. Việc kiểm tra cần tập trung vào yếu tố: nguồn từ đâu? từ yếu tố này có thể xác định được tính hợp pháp của nguồn vốn của cổ đông. Kết quả kiểm tra, nếu phát hiện “gian dối” trong việc tăng vốn, cần phải được xử lý nghiêm. Các hình thức xử lý có thể giảm tương ứng vốn điều lệ, số tiền giảm đó sẽ trích vào thu nhập bất thường nếu số tiền vay đã được xử lý bằng quỹ dự phòng; trường hợp khoản vay còn trong hạn thì thực hiện giảm vốn điều lệ và chuyển sang thu nợ cả gốc và lãi; thông báo cảnh cáo trong toàn hệ thống; đồng thời áp dụng các biện pháp thắt chặt đối với việc tăng vốn lần sau (nếu có) những trường hợp nghiêm trọng cần xử lý hình sự.

- Để đảm bảo sự hợp lý giữa khả năng quản lý và tăng trưởng, cơ quan quản lý cần có yêu cầu cụ thể về khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát trong ngân hàng tăng vốn. Nếu phát triển theo chiều rộng mà HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát yếu không đủ khả năng quản trị, điều hành và kiểm soát thì cần phải hạn chế việc mở rộng. Ngân hàng Nhà nước cần thiết có những tiết chế chi tiết nhằm thực hiện Điều 37, 38 Luật các tổ chức tín

dụng, trong đó cần chú trọng đến yêu cầu về uy tín, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết về hoạt động ngân hàng đối với HĐQT và ban kiểm soát. Đối với Ngân hàng có vốn điều lệ vượt vốn pháp định thì số lượng thành viên HĐQT cần tăng thêm. Hiện nay, một số ngân hàng Hội đồng quản trị chỉ có 03 thành viên.

- Cần phải có sự rạch ròi giữa quản trị và điều hành. Theo qui định hiện nay (Nghị định 49 của Chính phủ) Tổng giám đốc một ngân hàng có thể đồng thời là Phó Chủ tịch HĐQT ngân hàng đó. Đã là Phó Chủ tịch HĐQT thì người đó có thể ký thay Chủ tịch HĐQT hoặc thực hiện quản trị một số mặt được phân công. Như vậy là có thể xảy ra tình trạng “vừa đá bóng vừa thổi còi”. Tác giả cho rằng, cần sửa đổi qui định theo hướng Tổng giám đốc (TGD) không được là Phó Chủ tịch HĐQT. Đúng nghĩa thì trong điều hành ngân hàng TGD chỉ là người làm thuê. Nếu TGD là cổ đông của ngân hàng thì TGD sẽ thực hiện quyền cổ đông của mình tại Đại hội cổ đông. Các văn bản nội bộ điều tiết hoạt động của ngân hàng phải ban hành theo đúng thẩm quyền qui định tại các văn bản luật pháp.

Từ những phân tích theo hướng giả định trên đây, tác giả cho rằng, quản lý chặt chẽ việc tăng vốn điều lệ của ngân hàng cổ phần cũng là một trong những biện pháp xây dựng và phát triển hệ thống tài chính tiền tệ quốc gia lành mạnh, đủ khả năng cạnh tranh trong điều kiện hội nhập ■